

CHUYÊN ĐỀ 12.1. THIÊN TAI VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG

(Thời gian thực hiện dự kiến: 10 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày được quan niệm, đặc điểm, nguyên nhân, phân loại thiên tai.
- Trình bày được một số thiên tai và nơi thường xảy ra (bão, lũ lụt, hạn hán, các thiên tai khác); phân tích được nguyên nhân, hậu quả của mỗi loại và xác định được các biện pháp phòng chống.
- Liên hệ, tìm hiểu được về một thiên tai cụ thể tại địa phương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp).
- Thu thập được tranh ảnh, số liệu, video clip,... để trưng bày một số chủ yếu về thiên tai ở nước ta.
- Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng về thiên tai và các biện pháp phòng chống.

2. Năng lực

- Năng lực chung:
 - + Tự chủ tự học: luôn chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ trong học tập; xác định được cách tư duy, làm việc hiệu quả để thực hiện nhiệm vụ học tập.
 - + Giao tiếp và hợp tác: lựa chọn được nội dung, cách giao tiếp phù hợp khi làm việc nhóm.
 - + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; đề xuất và phân tích được một số giải pháp giải quyết vấn đề; lựa chọn được giải pháp phù hợp nhất.
- Năng lực đặc thù:
 - + Nhận thức khoa học Địa lí: giải thích được cơ chế diễn ra một số thiên tai, phát hiện và giải thích được một số hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên trong thực tế địa phương; giải thích được những hệ quả (tích cực, tiêu cực) do con người tác động đến môi trường tự nhiên.
 - + Tìm hiểu địa lí: tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu; thu thập được tranh ảnh, số liệu, video clip,... để trưng bày một số chủ yếu về thiên tai ở nước ta.
 - + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: liên hệ, tìm hiểu được về một thiên tai cụ thể tại địa phương.

3. Phẩm chất

- Có ý thức trách nhiệm trong phòng chống thiên tai và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.
- Tôn trọng các quy luật của tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Máy tính, máy chiếu, thiết bị điện tử kết nối internet (nếu có),...
- Video, hình ảnh về các loại thiên tai ở nước ta và biện pháp phòng chống,...
- Bảng số liệu thống kê số lượng, thiệt hại của các thiên tai,...
- Lược đồ về sự phân bố các loại thiên tai ở nước ta.
- Phiếu đánh giá.

- Chuyên đề học tập Địa lí 12

2. Học sinh

Chuyên đề học tập Địa lí 12

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Hoạt động mở đầu

a) Mục tiêu

- Kết nối tri thức HS đã có về các loại thiên tai ở nước ta với nội dung chuyên đề.
- Tạo hứng thú cho HS với nội dung chuyên đề

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV có thể cho HS xem một đoạn video hoặc hình ảnh về tình hình thiên tai của nước ta trong 6 tháng hoặc trong năm vừa qua, sau đó đặt câu hỏi gợi mở, để dẫn dắt vào nội dung bài học như:

- + Qua đoạn video hoặc hình ảnh em có nhận xét gì về thiên tai ở nước ta?
- + Theo em thiên tai có phòng chống được không?

Bước 2: HS quan sát video hoặc hình ảnh và dựa vào kiến thức đã có tìm câu trả lời.

Bước 3: Một số HS trả lời.

Bước 4: Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào chuyên đề.

2. Hoạt động 2: Hoạt động hình thành kiến thức mới

2.1. Nội dung 1: Tìm hiểu những vấn đề chung về thiên tai

a) Mục tiêu

Trình bày được quan niệm, đặc điểm, nguyên nhân, phân loại thiên tai.

b) Tổ chức thực hiện

Sử dụng kỹ thuật KWL:

Bước 1: GV yêu cầu HS kẻ bảng KWL vào vở, tự viết những điều đã biết (K), những điều muốn biết (W) về thiên tai vào hai ô K, W.



GV gợi ý HS viết về quan niệm, đặc điểm, nguyên nhân, phân loại thiên tai.

GV tổ chức cho HS cả lớp cùng thảo luận, trao đổi về những điều HS muốn biết.

Bước 2: HS làm việc cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 3: HS vận dụng hiểu biết thực tế của mình để trao đổi với cả lớp, cùng tìm hiểu những điều muốn biết. HS tự viết những điều đã học được vào ô L. HS có thể đặt thêm câu hỏi cho GV để hiểu rõ những nội dung đã học được.

Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung:

1. Những vấn đề chung về thiên tai

a) Quan niệm

Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế – xã hội, bao gồm bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt; sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy hoặc hạn hán; nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên, rét hại, mưa đá, sương mù, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

b) Đặc điểm

- Thiên tai có nhiều loại hình
- Thiên tai có tính rủi ro
- Thiên tai xảy ra bất thường

c) Nguyên nhân

- Nguyên nhân tự nhiên: các quá trình nội sinh làm các mảng kiến tạo di chuyển hoặc sự đứt gãy trong vỏ Trái Đất; các quá trình ngoại sinh làm thay đổi trạng thái của khí quyển, thủy quyển.
- Nguyên nhân con người: gián tiếp gây ra thiên tai, các hoạt động của con người tác động đến môi trường.

d) Phân loại

- Theo nguồn gốc phát sinh: khí hậu (bão, áp thấp nhiệt đới,...), thủy văn (lũ, ngập lụt,...), địa chất (động đất, sạt lở đất,...), sinh vật (thủy triều đỏ, sinh vật gây hại,...), vụ trụ (thiên thạch, bão từ trường,...).
- Theo tốc độ diễn ra thiên tai: thiên tai diễn ra đột ngột (động đất, lốc, sét,...), thiên tai diễn ra chậm (hạn hán, En ni-nô,...).

2.2. Nội dung 2: Tìm hiểu một số thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam

a) Mục tiêu

Liên hệ, tìm hiểu được về một thiên tai cụ thể tại địa phương (hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả, giải pháp).

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc nhóm. GV chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm 4 – 5 HS và giao nhiệm vụ cho các nhóm (có thể nhiều nhóm cùng thực hiện một nhiệm vụ):

- + Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu bão và áp thấp nhiệt đới.
- + Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu lũ lụt.

- + Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu hạn hán.
- + Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu sạt lở đất.
- + Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu xâm nhập mặn.

Nội dung tìm hiểu: khái niệm, nguyên nhân, nơi thường xảy ra, hậu quả, biện pháp phòng chống.

Hình thức sản phẩm: tạo thành một sản phẩm có các thông tin kênh chữ, hình ảnh, biểu đồ, bảng số liệu, lược đồ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: Mỗi thành viên trong nhóm làm việc cá nhân, sau đó đưa kết quả thảo luận cùng nhóm để tổng hợp, chọn lọc kết quả chung của nhóm và thực hiện sản phẩm.

Bước 3: Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả sản phẩm. Các nhóm theo dõi các sản phẩm của nhóm khác, nhận xét và bổ sung.

Bước 4: GV đánh giá và tổng kết nội dung (phụ lục 1, 2).

2.3. Thực hành tìm hiểu về thiên tai ở nước ta

a) Mục tiêu

- Thu thập, chọn lọc, xử lý thông tin về thiên tai ở nước ta.
- Rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV cho HS tự chọn loại hình thiên tai và thiết kế sản phẩm học tập.

Bước 2: HS làm việc cá nhân, thu thập thông tin, hoàn thành sản phẩm của mình.

Bước 3: HS trình bày và giới thiệu sản phẩm.

Bước 4: GV đánh giá.

3. Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập

a) Mục tiêu

Hệ thống hoá kiến thức đã học về thiên tai.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV yêu cầu HS làm ra giấy, thống kê ngắn gọn lại theo bảng gợi ý trong SGK.

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ trên lớp.

Bước 3: HS trình bày kết quả. HS chấm chéo cho nhau.

Bước 4: GV đưa ra bảng kết quả.

4. Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng

a) Mục tiêu

Vận dụng kiến thức đã học để liên hệ thực tế thiên tai tại địa phương.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm thông tin và trình bày về một thiên tai thường xảy ra ở địa phương.

Bước 2: HS hoàn thành nhiệm vụ ở nhà.

Bước 3: HS báo cáo kết quả với GV vào buổi học sau.

Bước 4: GV nhận xét và đánh giá.

Phụ lục 1. Một số thiên tai thường xảy ra ở Việt Nam:

Thiên tai	Quan niệm	Nguyên nhân	Nơi thường xảy ra	Hậu quả	Biện pháp phòng chống
Bão và áp thấp nhiệt đới	– Áp thấp nhiệt đới là xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 6 đến cấp 7 và có thể có gió giật. – Bão là xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 8 trở lên và có thể có gió giật.	Trên biển, nhiệt độ nước mặt cao, không khí nóng, ẩm bốc lên hình thành một vùng áp thấp, gây nên gió xoáy rất mạnh.	– Ven biển từ Bắc Bộ vào Duyên hải Nam Trung Bộ. – Nam Bộ hầu như không có bão.	– Thiệt hại về người, tài sản. – Ô nhiễm môi trường; ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất.	Trước, trong và sau khi bão xảy ra: – Theo dõi thông tin cảnh báo, dự báo bão. – Đề phòng tai nạn. – Khẩn trương khắc phục hậu quả, ổn định đời sống, khôi phục sản xuất.
Lũ lụt	– Lũ là hiện tượng mực nước sông dâng cao trong khoảng thời gian nhất định, sau đó xuống. – Lũ quét là lũ xảy ra bất ngờ trên sườn dốc và trên các sông suối nhỏ miền núi, dòng chảy xiết, thường kèm theo bùn đá; lũ lên nhanh, xuống nhanh, có sức tàn phá lớn. – Ngập lụt là hiện tượng mặt đất bị ngập nước do ảnh hưởng của mưa lớn, lũ, triều cường, nước biển dâng.	– Tự nhiên: + Lũ do mưa lớn kéo dài. + Lũ quét do mưa, độ dốc cao, địa hình hẹp và dài. + Ngập lụt do đặc điểm mạng lưới sông. + Biến đổi khí hậu,... – Con người: xây dựng các công trình chặn dòng chảy, nhà máy thủy điện điều tiết nước không hợp lí, phá rừng,...	– Lũ có thể xuất hiện ở tất cả các con sông trong mùa mưa. – Lũ quét thường xảy ra ở vùng núi của nước ta, đặc biệt tại vùng núi phía Bắc, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam. – Ngập lụt thường xảy ra ở đồng bằng hạ lưu các sông chính ở nước ta, có 3 vùng rõ rệt.	– Gây thiệt hại về người và tài sản. – Thiệt hại về cơ sở hạ tầng: thông tin liên lạc, giao thông,... – Thiệt hại cho các ngành kinh tế. – Thiệt hại về môi trường.	Trước, trong và sau khi lũ lụt. – Đầu tư xây dựng, nâng cấp, tu bổ công trình phòng chống thiên tai. – Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo mưa, lũ. – Di chuyển đến nơi cao ráo, an toàn, không đi vào khu vực nguy hiểm.
Hạn hán	Hiện tượng thiếu nước nghiêm trọng xảy ra trong	– Tự nhiên: mưa ít hoặc không mưa; suy	Có thể xảy ra ở hầu hết các khu vực trên cả nước	– Thiếu nước cho sinh hoạt, sản xuất.	– Xây dựng và tu bổ các công trình thủy lợi.

	thời gian dài do không có mưa và cạn kiệt nguồn nước.	giảm khả năng điều tiết nguồn nước của rừng; hiện tượng En Ni-nô. – Con người: lãng phí, sử dụng nước chưa phù hợp, phá rừng,...	với mức độ và thời gian khác nhau. Hạn nặng và rất nặng tập trung ở vùng phía Nam của nước ta, từ vĩ độ 16 độ trở xuống.	– Giảm năng suất, diện tích và sản lượng cây trồng, thủy sản; gây khó khăn cho vận hành nhà máy thủy điện. – Tăng nguy cơ cháy rừng, xói lở đất, xâm nhập mặn.	– Vận hành hợp lý các hồ chứa nước. – Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, mùa vụ phù hợp.
Sạt lở đất	Quá trình chuyển động của các khối đất, đá về phía chân sườn dốc dưới tác động của trọng lực hoặc ở ven sông đất bị sụt, lún.	– Chấn động tự nhiên của mặt đất; mưa nhiều ngày, mưa lớn, lũ lớn; nền đất yếu. – Con người chặt phá rừng, khai thác cát,...	Ở miền núi, nhất là vùng núi phía Bắc, Trường Sơn Bắc và một phần Tây Nguyên.	– Thiệt hại về người và tài sản. – Phá huỷ các công trình xây dựng, cản trở hoạt động giao thông. – Mất đất trồng trọt.	– Trồng cây, bảo vệ rừng. – Tránh xa khu vực sạt lở đất. – Sơ tán ra khỏi các nơi nguy hiểm.
Xâm nhập mặn	Hiện tượng nước mặn với nồng độ mặn 4‰ trở lên xâm nhập sâu vào nội đồng khi xảy ra triều cường, nước biển dâng hoặc cạn kiệt nguồn nước ngọt.	Nước biển dâng, triều cường và sự hạ thấp mực nước hoặc cạn kiệt nước ở vùng cửa sông trong đất liền.	Vùng đồng bằng sông Cửu Long vào mùa khô.	Thiếu nước ngọt cho sản xuất và đời sống, làm biến đổi tính chất của đất, nước, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, thủy sản,...	Trồng rừng ven biển, xây dựng hệ thống thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ,...

Phụ lục 2. Phiếu đánh giá:

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Nhóm: Lớp:.....

Tiêu chí đánh giá		Điểm tối đa	Điểm đạt được
Nội dung	Trình bày rõ ràng hiện trạng	1,5	
	Nêu đầy đủ các nguyên nhân	1,5	
	Trình bày cụ thể hậu quả, có minh chứng	1,5	
	Nêu được các giải pháp thiết thực	1,5	

Hình thức	Hình ảnh, video, bản đồ,... khoa học	1	
	Sáng tạo, độc đáo	1	
Thuyết trình	Tự tin, nói to, rõ ràng, lưu loát	1	
	Trả lời câu hỏi của các nhóm rõ ràng	1	

IV. CÂU HỎI ÔN TẬP, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MỞ RỘNG

Câu 1. Khu vực chịu ảnh hưởng nhiều nhất của bão và áp thấp nhiệt đới của nước ta là A. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Duyên hải miền Trung.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 2. Xoáy thuận nhiệt đới là bão khi có sức gió mạnh nhất từ cấp

A. 7 trở lên.

B. 8 trở lên.

C. 9 trở lên.

D. 10 trở lên.

Câu 3. Trung bình hằng năm nước ta chịu ảnh hưởng của bao nhiêu cơn bão và áp thấp nhiệt đới?

A. Khoảng 5 đến 6.

B. Khoảng 5 đến 7.

C. Khoảng 3 đến 5.

D. Khoảng 3 đến 7.

Câu 4. Khu vực nào ở nước ta chịu ảnh hưởng nhiều nhất của lũ quét?

A. Vùng Trung du của Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên.

B. Vùng Đồng bằng sông Hồng.

C. Duyên hải miền Trung.

D. Trường Sơn Bắc, vùng núi phía Bắc.

Câu 5. Thiên tai xâm nhập mặn xảy ra nghiêm trọng nhất ở

A. đồng bằng sông Hồng.

B. đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đông Bắc.

D. Trường Sơn Bắc.

Câu 6. Ở địa phương em thường có loại thiên tai nào? Em có thể làm gì để phòng chống, giảm nhẹ thiệt hại của loại thiên